TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HSST
Ngày: 05-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Quang Nguyên .

2. Ông Trần Quang Binh.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Quyền là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-QĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Sơn T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: 68/46 Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Sơn H và con bà: Lê Thị T; tiền án, tiền sự: chưa có; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/3/2018, Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại**: Công ty TNHH M

Địa chỉ: Số nhà 06, đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công H – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đình P – Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên (Có mặt).

Địa chỉ: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1981 (Có mặt).

Trú tại: thôn D, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Đặng Thị Lan Phương, sinh năm 1981 (Có mặt)

Trú tại: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- **<u>Người làm chứng</u>**:

1. Chị Hoàng Thị Hương L, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Trú tại: Số 20, Chợ Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Trịnh Văn N , sinh năm 1987 (Vắng mặt).

T rú tại: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Lê Thị H, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

5. Anh Đào Trung H, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn N, xã P, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

6. Ông Nguyễn Xuân M (Vắng mặt).

Trú tại: Đường 196, Y, xã T, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Sơn T là nhân viên của Công ty TNHH M (dưới đây viết tắt : Công ty). Công việc của T là làm nhân viên thị trường và đi thu công nợ của đại lý thuộc khu vực tỉnh Hưng Yên cho Công ty theo Hợp đồng lao động đã ký số 45/2015 ngày 13/8/2015. Ngày 01/11/2016, T nhận chứng từ nhận nợ của một số cửa hàng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ chị Nguyễn Thị A là kế toán của Công ty tại kho của Công ty ở thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên (dưới đây viết tắt: Kho Hưng Yên), sau đó T đến các cửa hàng thu công nợ. Sáng 02/11/2016 T đã đi thu công nợ tại các cửa hàng gồm: 15.000.000 đồng tại Cửa hàng T , tại xã M , huyện P , tỉnh Hưng Yên do anh Nguyễn Hoàng T là chủ; 30.000.000 đồng tại cửa hàng C tại thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên do chị Lê Thị H là chủ; 26.965.000 đồng tại cửa hàng Đ tại Đường 196, Y, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên do ông N guyễn Xuân M là chủ (do chị Nguyễn Thị T là kế toán của cửa hàng trả);14.190.000 đồng tại cửa hàng L tại Chợ Đ , xã T, huyện V , tỉnh Hưng Yên do chị Hoàng Thị H ương L là chủ; 17.550.000 đồng tại cửa hàng H ở xã Phan Đình P , huyện M do anh Đào Trung H là chủ. Tổng số tiền T thu nợ tại các cửa hàng ở khu vực Hưng Yên là 103.705.000 đồng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T về đến Kho Hưng Yên, thì thủ quỹ

đã về, T không thực hiện việc để tiền v à chứng từ vào két và niêm phong lại theo quy định của Công ty mà nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên . T gửi anh Trịnh Văn N là nhân viên Công ty làm việc tại Kho Hưng Yên các chứng từ thu nợ cho kế toán Kho Hưng Yên và số tiền 10.000.000 đồng để trả nợ cho chị Đặ ng Thị Lan P là nhân viên tại Công ty làm việc tạ i Kho Hưng Yên (do Trường vay của chị P trước đó). Sau đó T bỏ trốn ra thành phố H , tắt điện thoại và không liên lạc với ai . Sau khi tiêu xài hết số tiền trên T điện thoại về gi a đình và được biết Công ty có đơn tố cáo hành vi Lạm dụng chiếm đoạt tài sản của mình đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương.

Ngày 14/11/2016, Nguyễn Sơn T đã đến Công an thành phố Hải Dương trình báo và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 31/12/2016 anh T chủ cửa hàng T đã tự nguy ện nộp cho Công ty TNHH M số tiền 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả thay cho T.

Tại bản kết luận giám đ ịnh số 03/KLGĐ ngày 25/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận : Chữ viết bằng mực bút bi màu đen có nội dung "Hiện tại Trường..... 103.705.000 đồng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết đứng tên Nguyễn S ơn T trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M3) là do cùng một người viết ra.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng T đã trả nợ cho chị P, chị P không biết đó là tiền T đã chiếm đoạt của Công ty, chị P đã chi tiêu cá nhân hết không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự : Công ty yêu cầu T phải trả số tiền còn lại là 88.705.000 đồng.

Anh T không đề nghị gì về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với T trong vụ án, sau này anh và bị cáo sẽ tự giải quyết sau.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKSKĐ ngày 28/5/2018,Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố Nguyễn Sơn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản " theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

- Đại diện người bị hại theo ủy quyền ông Đào Đình P trình bày : T là nhân viên của Công ty, ngày 02/11/2016 T được Công ty giao công việc đi thu nợ tại các cửa hàng trong địa phận tỉnh Hưng Yên, theo Hợp đồng giữa Công ty và T. Sau khi thu được tiền tại các cửa hàng T phải nộp tiền tại Kho Hưng Yên theo quy định của Công ty. Tuy nhiên, khi đã thu được 103.705.000 đồng tiền nợ tại các cửa hàng như T đã trình bày, T đã không nộp tiền về Kho Hưng Yên như Công ty đã quy định mà chỉ gửi lại chứng từ trả cho kế toán , còn cầm toàn bộ số tiền trên bỏ trốn . Công ty đã liên lạc với T và làm việc với gia đình T để yêu cầu T thanh toán trả Công ty số tiền 103.705.000 đồng mà T đã chiếm đoạt nhưng không gặp được T , gia đình T cũng không biết T đi đâu , làm gì . Công ty đã tố cáo hành vi trên của T . Ngày 31/12/2017 Anh T là chủ cửa hàng T trả nợ hộ T số tiền 15.000.000 đồng, Công ty đã nhận số tiền này . Công ty yêu cầu T phải bồi thường trả Công ty số tiền là 88.705.000 đồng trong thời hạn hai năm và không yêu cầu T phải trả lãi đối với số tiền trên trong thời hạn hai năm , kể từ ngày 05/7/2018 và đến ngày 05/7/2020 T

không bồi thường t rả Công ty khoản tiền trên thì T phải chịu lãi đối với số tiền chưa bồi thường trả Công ty theo quy định của pháp luật . Về trách nhiệm hình sự : đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với T.

- Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Ngày 02/11/2016 bị cáo T là nhân viên Công ty đến cửa hàng thu nợ , anh đã thanh toán trả Công ty số tiền 15.000.000 đồng. Do T và anh có quen biết nhau , T có nói lại với anh về việc l ấy tiền của Công ty và nhờ anh bồi thường cho Công ty hộ, ngày 31/12/2017 anh đã bồi thường 15.000.000 đồng cho Công ty bằng tiền của anh. Anh không đề nghị giải quyết đối với số tiền này trong vụ án, sau này giữa anh và T sẽ giải quyết sau.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay , bị cáo đã khai nhận : Bị cáo là nhân viên thị trường củ a Công ty , được Công ty giao nhiệm vụ đi thu nợ của một số cửa hàng tại tỉnh Hưng Yên . Ngày 02/11/2016 bị cáo đã đi thu nợ của các cửa hàng : T 15.000.000 đồng; C 30.000.000 đồng; L 14.190.000 đồng; H 17.550.000 đồng. Tổng số tiền là 103.705.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày bị cáo về Kho Hưng Yên để nộp tiền nhưng kế toán không có ở đó nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này . Bị cáo có vay chị P 10.000.000 đồng từ trước nên đã nhờ anh N chuyển số tiền 10.000.000 đồng trả cho chị P hộ bị cáo, sau đó bị cáo bỏ trốn ra thành phố H chơi và tiêu xài hết số tiền còn lại. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (BL: 11, 12, 62-143, 164, 179-181, 200, 220-246). Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Sơn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm c hiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Nguyễn Sơn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ". Xử phạt: bị cáo Nguyễn Sơn T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 01/3/2018.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nh iệm dân sự : áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự ; Điều 357, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường trả Công ty TN HH M số tiền 88.705.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của Công ty cho bị cáo bồi thường số tiền trên trong thời hạn hai năm và không yêu cầu bị cáo phải chịu lãi suất trong thời hạn hai năm , kể từ ngày 05/7/2018.

Kể từ ngày 05/7/2020 bị cáo T chưa thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian và

số tiền chậm thi hành án . Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- Lời nói sau cùng của bị cáo : Bị cáo thấy Hội đồng xét xử công minh , dân chủ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo nhận thấy Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình , bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự . Quá trình điều tra và tại phiên tòa , bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng . Do đó, các hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo : T là nhân viên thị trường của Công ty . Theo Hợp đồng lao động số 45/2015/HĐLĐ-MH ngày 13/8/2015 thì công việc của T là nhân viên thị trường, thu tiền hàng, thu công nợ trong khu vực mình phụ trách và làm một số việc khác theo hợp đồng. Theo quy định của Công ty: Số tiền hàng, tiền thu công nợ phải nộp về cho Công ty ngay trong ngày , trong thời hạn 24 giờ sau khi thu tiền hàng của khách hàng mà không nộp về Công ty thì coi như nhân viên đó cố ý biển thủ tiền của Công ty.... . Sáng 02/11/2016 T đã đi thu công nợ tại các cửa hàng thuộc khu vực Hưng Yên theo sự phân công của Công ty , T đã thu tiền tại các cửa hàng gồm : 15.000.000 đồng tại Cửa hàng T; 30.000.000 đồng tại cửa hàng C ; 26.965.000 đồng tại cửa hàng Đ ; 14.190.000 đồng tại cửa hàng L ; 17.550.000 đồng tại cửa hàng H. Tổng số tiền T thu nợ tại các cửa hàng ở khu vực Hưng Yên là 103.705.000 đồng. T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên và bỏ trốn. Do đó, bị cáo T đã phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 (sau đây viết tắt: Bộ luật hình sự năm 1999). Đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự có khung hình phạt ngang bằng nhau . Viện kiểm sát nhân dân

huyện Kim Động truy tố bị cáo Nguyễn Sơn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người , đúng tội.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, sau khi nhận được số tiền 103.705.000 đồng do một số cửa hàng trả nợ cho Công ty bị cáo đã bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó của Công ty. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật gây lo lắng, bất bình trong nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

+ Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người thân của bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại ; đầu thú; bố bị cáo là ông Nguyễn Sơn H được tặng Huy chương vì sự nghiệp văn hóa thông tin ; người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo . Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối chiếu điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 thì ngang bằng nhau nên áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và răn đe kẻ khác.

- Về hình phạt bổ sung : Tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định : Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ , cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản . Xét thấy, bị cáo hiện nay không có tài sản và không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

+ Công ty yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả số tiền 88.705.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt chưa thu hồi được trong thời hạn hai năm và không yêu cầu bị cáo phải trả lãi suất trong thời hạn hai năm , kể từ ngày 05/7/2018, đến ngày 05/7/2020 bị cáo chưa bồi thường trả Công ty khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chưa bồi thường trả Công ty theo quy định của pháp luật . Bị cáo nhất trí yêu cầu của Công ty . Xét thấy, thỏa thuận trên của Công ty và bị cáo không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã h ội nên cần chấp nhận sự tự nguyện của Công ty và bị cáo.

+ Anh T không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với số tiền 15.000.000 đồng đã bồi thường trả Công ty thay cho bị cáo trong vụ án này, sau này anh và bị cáo sẽ tự giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Sơn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 01/3/2018.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Sơn T và Công ty TNHH M như sau : Bị cáo bồi thường trả Công ty TNHH M s ố tiền 88.705.000 đồng trong thời hạn hai năm và không phả i trả lãi đối với số tiền bồi thường trong thời hạn hai năm, kể từ ngày 05/7/2018.

Kể từ ngày 05/7/2020 bị cáo chưa thi hành hoặc chậm thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.435.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã (thị trấn) nơi người vắng mặt cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA Toà án tỉnh.
- VKSND huyện Kim Động.
- CA huyện Kim Động.
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên.
- THADS huyện Kim Động.
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh